TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2018/HNGĐ-ST
Ngày 02-10-2018
V/v tranh chấp "Ly hôn,
Tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Phước Công.

2. Bà Nguyễn Thị Bích Liễu.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*: Ông Tôn Văn Xuyên, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 298/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thùy D, sinh năm 1992 (Có mặt).

Cư trú: Ấp P, xã G, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Minh T, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Cư trú: Ấp P, xã G, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn chị Lê Thị Thùy D trình bày: Chị và anh Phạm Minh T cưới nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, hôn nhân do tự tìm hiểu và được cha mẹ đồng ý. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do

chồng thường hay đánh bài, đánh chị nhiều lần, không quan tâm gia đình, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều nên chị về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 04/2018 đến nay. Từ khi không còn chung sống với nhau, chồng có đến thăm con một hai lần rồi về, hai bên không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay nhận thấy tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh Phạm Minh T. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Minh K, sinh ngày 27/3/2012 (hiện do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản chung: Không có. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Phạm Minh T trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất theo lời trình bày của chị D về thời gian tổ chức lễ cưới, thời gian chung sống, thời gian ly thân, còn nguyên nhân mâu thuẫn gia đình thì không đúng, trước đây anh có đánh bài nhưng đã không còn cách nay khoảng 02 năm. Vợ chồng mâu thuẫn không lớn chưa đến mức phải ly hôn, nhưng vợ cương quyết ly hôn thì anh đồng ý. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Minh K, sinh ngày 27/3/2012 (hiện do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa chị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Về hôn nhân: chị Lê Thị Thùy D và anh Phạm Minh T kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo chị D trình bày: Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường hay đánh bài, nhiều lần đánh chị, không quan tâm đến gia đình, vợ chồng ly thân từ tháng 4/2018 đến nay. Trong thời gian ly thân, cả hai không tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng, gia đình hai bên có giải quyết nhưng không được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị D yêu cầu xin ly hôn đối với anh T. Anh T đồng ý ly hôn với chị D. Xét thấy, sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị D với anh T là phù hợp Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nghĩ nên công nhận thuận tình ly hôn. Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Minh K, sinh ngày 27/3/2012 hiện chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị D yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Riêng, anh T yêu cầu được nuôi cháu K, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi ly thân cho đến nay, cháu K được chị D chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. mặt khác, anh T hiện đang đi làm thuê tại tỉnh Bình D, do đó nếu để anh T chăm sóc nuôi dưỡng cháu K sẽ làm ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu. Để đảm bảo cho cháu K có điều kiện

được phát triển và ổn định cuộc sống, nghĩ nên để chị D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đề cập giải quyết.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Lê Thị Thùy D yêu cầu ly hôn với anh Phạm Minh T, anh T có nơi cư trú ấp P, xã G, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Anh Phạm Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là có căn cứ.

[3] Chị Lê Thị Thùy D yêu cầu ly hôn với anh Phạm Minh T. Chị D và anh T có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo chị D nguyên nhân dẫn đến vợ chồng ly hôn là do anh T thường hay đánh bài, đánh chị nhiều lần, không quan tâm gia đình dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều và không còn sống chung từ tháng 04/2018 đến nay, còn theo anh T nguyên nhân mâu thuẫn gia đình thì không lớn, chưa đến mức phải ly hôn, nhưng vợ cương quyết ly hôn thì anh đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết Tòa án đã tạo điều kiện để chị D, anh T hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần, nhưng chị D, anh T xác định không hàn gắn tình cảm vợ chồng được và chị D cương quyết ly hôn, anh T cũng đồng ý. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự, sự thỏa thuận này không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận này là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ con chung: Chị D và anh T thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Minh K, sinh ngày 27/3/2012 (hiện do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn chị D, anh T đều có yêu cầu được nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, cháu K do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên tâm tư tình cảm của cháu gắn liền với người nuôi dưỡng, nếu thay đổi sẽ làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu. Bên cạnh đó, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ vào ngày 17/8/2018 thì cháu K hiện

được chị D chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, cháu được đi học và chị D đang sinh sống tại địa phương, có thu thập ổn định, trong khi đó, anh T hiện đang đi làm thuê tại Bình D. Do đó, để chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K là phù hợp với với pháp luật.

[5] Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Chị D trình bày không có, anh T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này nên Hội đồng xét xử không đề cập đến. Nếu các bên có tranh chấp sẽ được Tòa án giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[7] Về quan hệ nợ chung: Chị D, anh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thùy D đối với anh Phạm Minh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận chị Lê Thị Thùy D và anh Phạm Minh T thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị Thùy D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Phạm Minh K, sinh ngày 27/3/2012 (hiện do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng).

Chị Lê Thị Thùy D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Phạm Minh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, chị Lê Thị Thùy D phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0019544 ngày 23/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Chị D đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện Chợ Mới;
-Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã Long Giang;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư